



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 27 (01/07-05/07/24)

*Dự báo danh mục VN30, Midcap,
VN-Finlead và một số lưu ý*

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo danh mục VN30, Midcap, VN-Finlead và một số lưu ý*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tiếp tục dò đáy sau khi liên tiếp mất SMA20, 50 và 100*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bảo hiểm +1.36%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	6/28/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5,460.5	-0.4%	-0.1%	3.7%	24.2%
EU (EURO STOXX 50)	4,894.0	-0.2%	-0.3%	-1.4%	12.4%
Trung Quốc (SHCOMP)	2,967.4	0.7%	-1.0%	-4.6%	-6.8%
Nhật Bản (NIKKEI)	39,583.1	0.6%	2.6%	2.7%	19.1%
Hàn Quốc (KOSPI)	2,797.8	0.5%	0.5%	4.5%	9.7%
Singapore (STI)	3,332.8	-0.3%	0.8%	0.3%	3.9%
Thái Lan (SET)	1,301.0	-0.6%	-0.4%	-3.6%	-12.1%
Phillipines (PCOMP)	6,411.9	0.3%	4.1%	0.0%	-1.5%
Malaysia (KLCI)	1,590.1	0.3%	0.0%	-1.0%	14.5%
Indonesia (JCI)	7,063.6	1.4%	2.7%	-1.1%	0.0%
Việt Nam (VNI)	1,245.3	-1.1%	-2.9%	-2.1%	10.7%
Việt Nam (HNX)	237.6	-1.0%	-2.8%	-2.7%	4.4%
Việt Nam (UPCOM)	97.5	-1.0%	-3.0%	1.7%	13.9%

TTCK THẾ GIỚI

Các chỉ số CK Hoa Kỳ thoái lui sau lập đỉnh mọi thời đại trước áp lực chốt lãi dù thông tin vĩ mô tích cực

Cơ sở trí tuệ nhân tạo vẫn giúp các chỉ số CK Hoa Kỳ lập đỉnh, trước khi giảm cuối tuần.

- TTCK Hoa Kỳ giảm bình quân 0.1%, EU600-0.7% trong khi Nikkei225 +2.6%.

- Chỉ số hàng hóa -1.5%; chủ yếu từ gas-8.3%, kim loại (Thép-3.7%, Bạc-1.4%) và nông sản (Cao su-4.5%, bông-7%).

- Chỉ số DXY đi ngang +0.02% và TP Hoa Kỳ 10y tăng 0.14% trong tuần.

PCE Hoa Kỳ tháng 5 giữ nguyên và tăng 2.6%yoy trong khi PCE lõi tăng 0.1%mom và tăng 26%yoy. PCE tháng 5 đang có mức tăng hàng tháng thấp nhất từ tháng 3/2021 và như dự báo. Công cụ CME FedWatch, thị trường hiện đang dự báo xác suất 64.1% ngân hàng trung ương sẽ hạ lãi suất tại cuộc họp tháng 9/2024.

CPI lõi Châu Âu; đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu, tỷ lệ thất nghiệp, PMI và biên bản chính sách tiền tệ FOMC; trong nước báo cáo kinh tế vĩ mô tháng 6 là thông tin chú ý trong tuần tới.

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	6/28/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	2,326.8	0.0%	-1.4%	-3.9%	18.0%
Bạc	USD/ozt	29.1	0.6%	-5.2%	-8.9%	23.3%
Thép HRC	USD/T.	674.0	-0.3%	-7.0%	-14.8%	-38.2%
Nhôm	USD/MT	2,490.5	1.5%	0.2%	-7.6%	10.9%
Niken	USD/MT	17,093.2	1.1%	-0.9%	-19.2%	-19.9%
Quặng sắt	CNY/MT	828.0	-1.1%	-2.5%	-8.4%	2.4%
Dầu Brent	USD/bbl.	86.4	0.0%	0.8%	4.3%	13.7%
Dầu WTI	USD/bbl.	81.5	-0.2%	-0.8%	2.9%	13.3%
Xăng	USD/gal.	252.9	-0.6%	1.1%	0.8%	-4.5%
Than đá	USD/MT	133.5	0.5%	-0.3%	-6.1%	-16.8%
Đậu tương	USD/bu.	1,150.5	-0.2%	-0.4%	-6.9%	-14.2%
Cao su	JPY/kg	345.1	-0.8%	-1.0%	6.7%	67.6%
Đường	USD/MT	598.4	2.3%	8.3%	9.9%	-16.1%

Nguồn: Bloomberg

TTCK VIỆT NAM

Lực cầu suy yếu, VN-Index mất dần các ngưỡng hỗ trợ

VN-Index giảm 2.8% với thanh khoản tăng 2% so tuần trước. Đà suy yếu lan rộng khi lực cầu suy giảm và áp lực bán ròng khối ngoại.

- Căng thẳng tỷ giá và hoạt động giao dịch ký quỹ thu hẹp vào cuối quý ảnh hưởng tâm lý và hoạt động bắt đáy.

- Dòng tiền luân chuyển thu hẹp khi thanh khoản suy yếu. Vận động tăng giá hướng về các cổ phiếu riêng lẻ có câu chuyện.

- Khối ngoại bán ròng 176 triệu USD, giảm 11 triệu USD so tuần trước.

Thị trường đã xác nhận xu hướng giảm điểm ngắn hạn. NĐT vẫn cần duy trì tỷ trọng đầu tư phù hợp dù vậy có thể cân nhắc mua vào trong những phiên giảm mạnh đón đầu mùa công bố KQKD quý II.

Báo cáo tháng 6, WB nâng dự báo kinh tế thế giới thêm 0.2% lên mức 2.6%, lạm phát giảm từ 3.7% xuống 3.5%. Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương tăng trưởng 4.8% nhờ sự phục hồi Trung Quốc. Căng thẳng địa chính trị và chiến tranh thương mại là rủi ro hiện hữu kinh tế toàn cầu. WB cũng giữ nguyên dự báo tăng trưởng VN ở mức 5.5%.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục VN30, Midcap, VN-Finlead và một số lưu ý

Ngày 15/07/2024 sẽ là ngày công bố thông tin thay đổi cổ phiếu thành phần của các chỉ số: VN30, VNFinlead, VNMidcap. Ngày 05/08/2024 sẽ là ngày cuối cùng các ETF hoàn thiện việc cơ cấu theo danh mục mới được công bố.

Lưu ý: Trên cơ sở dữ liệu kết thúc tại ngày 27/06/2024 và giả định **Top 6** các cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất thuộc sàn Upcom cùng "câu chuyện" chuyển sang SGDCK Tp Hồ Chí Minh thành công (bao gồm **VGI, ACV, MCH, MVN, BSR, VEA**), BSC Research đánh giá cổ phiếu **ACV, BSR đã đáp ứng các tiêu chí của bộ chỉ số VN30**, ở tình huống này ACV, BSR sẽ vào chỉ số VN30 và cổ phiếu POW, BVH sẽ bị loại. Đối với cổ phiếu **VGI và MVN** không đáp ứng tiêu chí giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float, **MCH** không đáp ứng về tiêu chí khối lượng giao dịch.

Đây là tính toán giả định dựa trên số liệu tại thời điểm tính toán và bộ quy tắc chỉ số của **HOSE công bố chưa thay đổi**.

Dữ liệu sẽ thay đổi tại kỳ đánh giá tiếp theo và nhà đầu tư cần lưu ý vào quá trình chuyển sàn của các công ty cũng như các dự báo gần nhất.

BSC Research đánh giá, trong tương lai nếu bộ chỉ số VN30 có thêm các cổ phiếu thuộc nhóm ngành khác ngoài nhóm tài chính, bất động sản sẽ giúp chỉ số này tăng thêm tính đa dạng, tránh việc chỉ số bị xô lệch phụ thuộc quá lớn vào 2 nhóm ngành ngân hàng, bất động sản, đồng thời cũng tăng tính hấp dẫn hơn cho chỉ số VN30.

Mặt khác, ở góc độ nhà điều hành cũng cần sớm ban hành các bộ quy tắc chỉ số mới cập nhật sát với diễn biến thị trường, các doanh nghiệp cũng cần sớm nâng cao tiêu chuẩn để niêm yết trên Hose - khi lộ trình chuyển đổi đã được Bộ Tài chính quy định tại **Thông tư số 69/2023/TT-BTC** sửa đổi, bổ sung một số điều của **Thông tư số 57/2021/TT-BTC** quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác.

Trên cơ sở số liệu tính toán tại ngày 27/06/2024, BSC Research dự báo SLCP mua/bán của các quỹ ETF nội Q2/2024 cụ thể như sau:

STT	Bộ chỉ số	Thay đổi đáng chú ý trong kỳ đánh giá lần này	Kỳ đánh giá cổ phiếu tiếp theo
1	VN30	Không thay đổi	20/01/2024
2	VNFinlead	Thêm: SSB, VIX Không loại cổ phiếu nào	20/01/2025
3	VNMidcap	Thêm: NVL, SIP Loại: BWE, CRE, HAG	20/01/2026

Nguồn: BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục VN30, Midcap, VN-Finlead và một số lưu ý

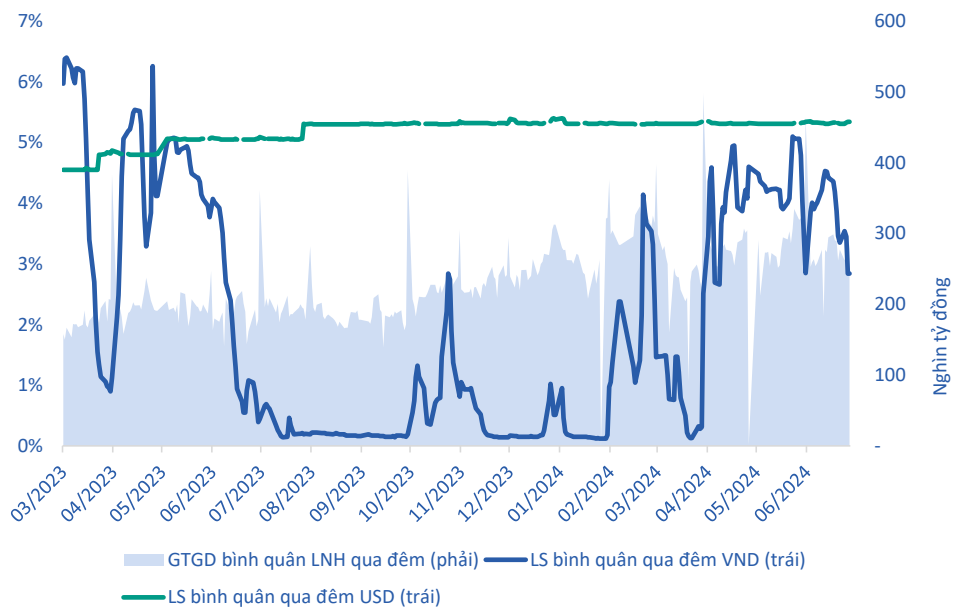
BẢNG 02: DỰ BÁO SỐ LƯỢNG MUA/BÁN CỔ PHIẾU CÁC QUỸ ETF NỘI

STT	Mã	Giá trị mua/bán	SLCP mua/bán	STT	Mã	Giá trị mua/bán	SLCP mua/bán	STT	Mã	Giá trị mua/bán	SLCP mua/bán
1	HPG	219.95	7,623,880	29	POW	0.48	32,524	56	FPT	-182.15	-1,371,588
2	SHB	29.58	2,617,318	30	GEX	0.41	18,310	57	TCB	-6.88	-293,599
3	VPB	24.73	1,301,827	31	HSG	0.45	18,220	58	VND	-3.15	-192,126
4	MBB	28.42	1,262,896	32	HCM	0.39	14,652	59	BCM	-6.82	-104,651
5	VIX	14.94	889,119	33	DIG	0.40	14,566	60	PDR	-2.18	-89,654
6	LPB	25.19	879,341	34	DXG	0.21	13,152	61	GVR	-2.39	-66,429
7	HDB	18.61	810,858	35	HHV	0.15	11,962	62	EIB	-1.18	-64,571
8	ACB	18.94	790,732	36	KDH	0.44	11,765	63	HDC	-0.40	-13,683
9	SSB	15.41	740,804	37	KBC	0.34	11,747	64	EVF	-0.17	-12,255
10	CTG	12.20	389,766	38	GAS	0.85	11,109	65	BID	-0.48	-10,934
11	SSI	12.30	358,661	39	VCG	0.21	11,079	66	PHR	0.04	605
12	MWG	22.55	358,556	40	NKG	0.24	9,880	67	BMP	0.10	1,000
13	STB	9.06	310,289	41	CII	0.15	9,534	68	NT2	0.02	1,104
14	VIB	6.55	309,650	42	TCH	0.18	9,351	69	CTR	0.22	1,490
15	TPB	5.40	309,403	43	VCI	0.43	9,265	70	FRT	0.41	2,276
16	VIC	12.41	302,605	44	PVD	0.27	8,969	71	VPI	0.14	2,326
17	VCB	22.47	263,704	45	DBC	0.31	8,813	72	CTD	0.18	2,439
18	VRE	5.05	247,791	46	PC1	0.23	7,963	73	VGC	0.13	2,550
19	VHM	8.74	232,330	47	FTS	0.31	7,467	74	KOS	0.11	2,691
20	MSN	12.64	169,703	48	GMD	0.58	6,935	75	DGW	0.18	2,946
21	VNM	10.56	161,674	49	DGC	0.79	6,381	76	SZC	0.14	3,419
22	SAB	8.41	138,802	50	SBT	0.07	6,207	77	CMG	0.22	3,525
23	BCG	1.07	124,410	51	PNJ	0.58	6,109	78	DCM	0.15	3,972
24	MSB	1.73	119,121	52	NLG	0.24	5,820	79	PAN	0.10	4,086
25	BVH	4.34	94,284	53	REE	0.35	5,533	80	KDC	0.23	4,262
26	PLX	3.11	75,321	54	PVT	0.15	5,202	81	VHC	0.31	4,287
27	VJC	7.36	72,165	55	HDG	0.14	4,949	82	DPM	0.17	4,708
28	OCB	0.55	38,787								

Nguồn: BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch trên thị trường mở (OMOs)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Số dư bill
Tuần 18	10,200.0	2,158.6	(8,041.4)	58,413.7
Tuần 19	152,303.7	32,588.2	(119,715.5)	(61,301.8)
Tuần 20	13,506.0	20,606.0	7,100.0	(54,201.8)
Tuần 21	10,206.0	109,371.3	99,165.3	44,963.4
Tuần 22	58,088.6	21,884.1	(36,204.5)	8,759.0
Tuần 23	98,542.7	35,161.3	(63,381.4)	(54,622.5)
Tuần 24	20,255.4	11,106.8	(9,148.6)	(63,771.0)
Tuần 25	35,806.8	2,700.0	(33,106.8)	(96,877.9)
Tuần 26	55,080.0	57,751.6	2,671.6	(94,206.3)

Nguồn: SBV, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	3.17%	4.14%	4.53%	5.00%
So với tuần trước	-0.68%	-0.02%	0.00%	-0.13%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	270,390.0	32,486.0	3,439.0	2,828.5
So với tuần trước	-4.62%	+225.13%	-28.31%	+166.59%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 27/06/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 26, SBV đã phát hành 55,080.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 27,551.6 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã bơm ròng 2,671.6 tỷ đồng qua OMOs.
- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng giảm trong tuần.

PTKT: VN-Index tiếp tục dò đáy sau khi liên tiếp mất SMA20, 50 và 100

Đồ thị ngày: Sau 4 phiên doji tích lũy trên SMA20 tại 1,278 điểm và 3 phiên doji trên SMA50 tại 1,255 điểm, VN-Index đã lần lượt mất các ngưỡng hỗ trợ này. 2 phiên chỉ hướng giảm điểm ngày 24 và 28/6 đã xác nhận và tiếp tục củng cố xu hướng giảm ngắn hạn. Dải bollinger mở rộng hướng xuống dưới và các chỉ báo kỹ thuật giảm nhanh về vùng quá mua cho thấy áp lực giảm điểm đang chi phối.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm 53 xuống 37 điểm.
- MACD cắt đường tín hiệu từ trên xuống và giảm dưới mức 0. Thanh khoản giảm 2% so bình quân giao dịch tuần trước.
- VN-Index giảm dưới các đường SMA 20, 50, 100 và giữ trên SMA 200.

Kết luận: VN-Index liên tiếp có 2 cây nến chỉ hướng giảm điểm sau tích lũy qua đó xác nhận và củng cố xu hướng giảm ngắn hạn. Vận động tuần qua đã phá vỡ vùng tích lũy đỉnh 1,250 – 1,300 đã thiết lập từ 15/5. Quá trình dò đáy sẽ tiếp tục diễn ra trong tuần tới tuy nhiên điều này cũng mở cơ hội cho hoạt động bắt đáy khi các chỉ báo kỹ thuật đang dần tiến tới vùng quá bán



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm số
VRE	2.25	0.25
BVH	1.88	0.15
EIB	1.89	0.15
POW	1.36	0.11
SVC	19.38	0.09
STG	6.38	0.07
DIG	1.53	0.06
HAH	4.26	0.05
VPI	1.57	0.05
NLG	1.22	0.05
Tổng		1.04

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm số
BID	-5.15	-3.28
FPT	-4.11	-2.00
TCB	-4.69	-1.99
VPB	-4.85	-1.85
SSB	-12.42	-1.80
CTG	-3.73	-1.58
MBB	-4.31	-1.30
HPG	-2.58	-1.18
VCB	-0.93	-1.10
HVN	-5.55	-1.06
Tổng		-17.13

Khối ngoại mua ròng

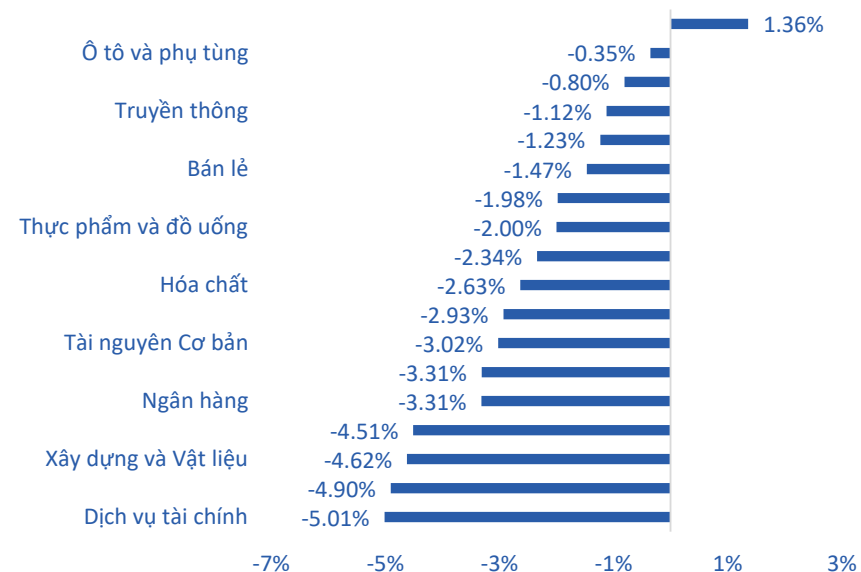
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
KDH	124.58
DGC	114.11
PC1	86.22
VCI	80.61
PVS	78.67
FRT	73.38
MSN	70.12
MCH	69.68
IDC	54.84
DGW	46.93
Tổng	799.13

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
FUEVFNVD	-1770.02
FPT	-1461.75
MWG	-234.37
VPB	-223.33
HDB	-164.50
VHM	-155.52
VRE	-133.35
VIC	-131.54
HPG	-123.82
CTG	-122.14
Tổng	-4520.34

Vận động ngành

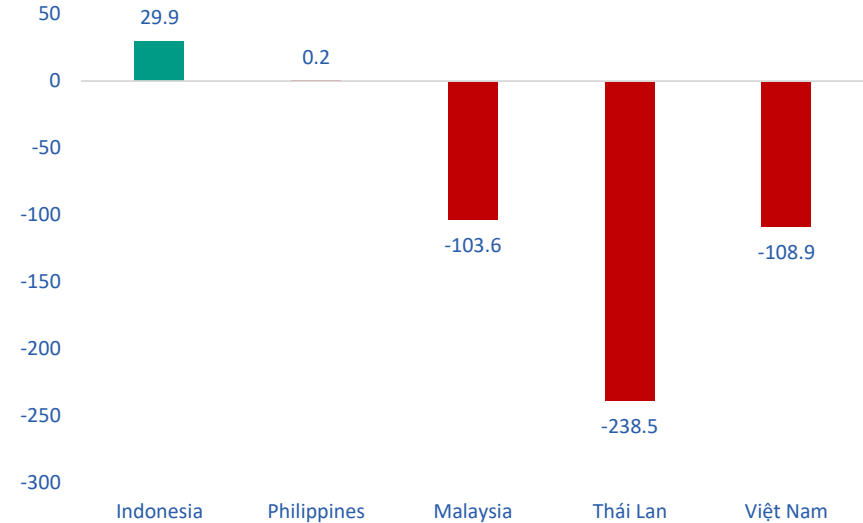
Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Bảo hiểm	-0.91%	1.36%	-1.28%
Ô tô và phụ tùng	-3.38%	-0.35%	6.31%
Bất động sản	-0.70%	-0.80%	-5.06%
Truyền thông	-1.71%	-1.12%	-1.18%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.42%	-1.23%	0.17%



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(420.9)	(1,750.0)	(5,389.5)	(6,062.4)
Indonesia	29.9	-91.7	-2112.7	-427
Philippines	0.2	-104.2	-690	-527.4
Malaysia	-103.6	-40.2	-13.7	-200.3
Thái Lan	-238.5	-950.2	-1297.5	-3230.9
Việt Nam	-108.9	-563.7	-1275.6	-1676.8
Các nước khác	(330.6)	8,515.7	3,393.1	21,644.1
Hàn Quốc	352.3	3821.1	4939.1	17127.8
Đài Loan	-2192.6	1772.6	-347.3	4382.2
Ấn Độ	1508.9	2925	-1195	163.3
Sri Lanka	0.80	(3.00)	(3.70)	(29.20)

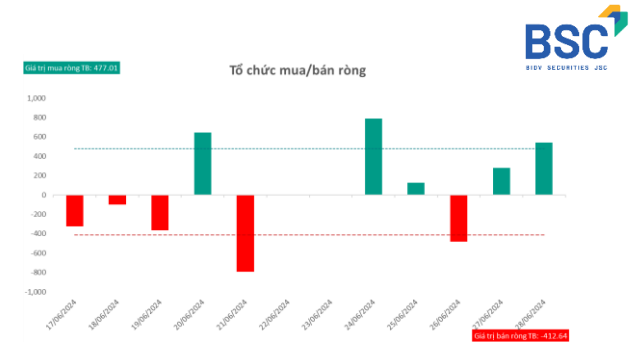
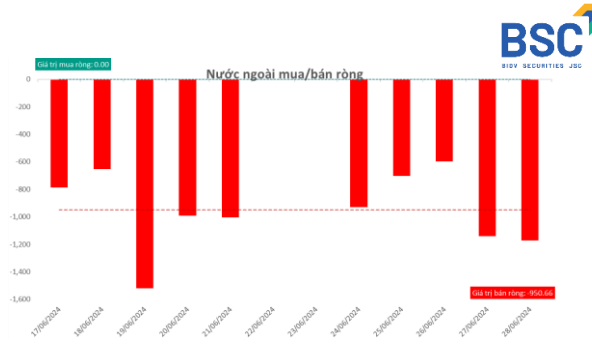
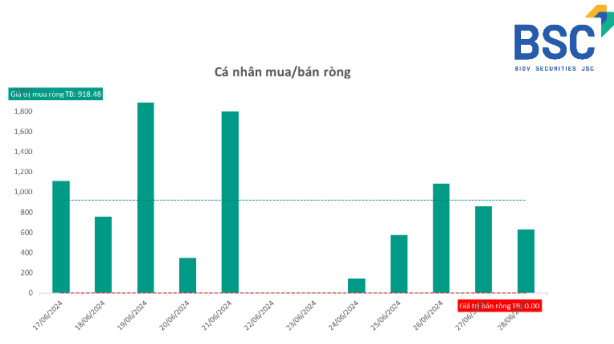


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Dec-23		Jan-24					Feb-24					Mar-24					Apr-24					May-24					Jun-24				
	W50	W51	W52	W1	W2	W3	W4	W5	W6	W7	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	W22	W23	W24	W25				
Tổng	(37.16)	(23.77)	(0.70)	(23.33)	(19.81)	(35.45)	(24.06)	(24.53)	(2.84)	(4.04)	(26.66)	(16.63)	(36.71)	(94.29)	(45.24)	(30.80)	(12.94)	(21.24)	(31.95)	(39.26)	(12.63)	(16.61)	(76.42)	(50.35)	(51.41)	(71.76)	(45.92)	(59.87)				
ETF ngoại	(22.18)	(7.54)	4.18	(12.91)	1.59	(17.99)	(21.21)	(19.02)	(2.84)	-	(18.98)	1.09	1.76	(19.49)	(32.48)	(23.89)	7.97	(20.46)	(2.88)	7.37	18.42	(7.07)	(38.21)	(6.66)	(3.25)	(60.10)	(29.17)	(41.29)				
Fubon	4.42	8.43	5.28	0.00	0.77	0.00	0.00	0.75	1.13	0.00	1.15	6.06	3.63	(16.75)	(29.66)	(21.99)	21.54	(2.61)	5.13	7.37	9.83	(10.16)	(32.45)	(4.90)	(3.25)	(24.52)	(10.89)	(6.24)				
VNM	(5.42)	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.93)	0.00	0.00	0.00	0.00	1.29	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(5.18)	0.00	0.00				
FTSE	0.00	(2.92)	(1.10)	2.99	0.82	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(8.15)	(4.97)	(1.87)	(2.74)	(2.82)	(1.90)	(3.56)	(8.22)	(2.52)	0.00	8.59	3.09	(5.76)	(1.76)	0.00	(2.18)	(3.06)	(1.93)				
iShare	(21.18)	(13.05)	0.00	(15.90)	0.00	(16.06)	(21.21)	(19.77)	(3.97)	0.00	(13.27)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(10.01)	(9.63)	(5.49)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(28.22)	(15.22)	(33.12)				
ETF nội	(14.98)	(16.23)	(4.88)	(10.42)	(21.40)	(17.46)	(2.85)	(5.51)	0.00	(4.04)	(7.68)	(17.72)	(38.47)	(74.80)	(12.76)	(6.91)	(20.91)	(0.78)	(29.07)	(46.63)	(31.05)	(9.54)	(38.21)	(43.69)	(48.16)	(11.66)	(16.75)	(18.58)				
Diamond	(12.82)	(14.77)	(4.88)	(0.63)	(22.59)	(16.99)	(1.99)	(5.10)	0.00	(2.32)	(1.72)	(8.70)	(32.81)	(66.55)	(5.76)	0.57	1.33	0.82	(28.90)	(47.54)	(2.34)	(9.28)	(32.45)	(28.90)	(47.54)	(4.93)	(9.66)	(27.06)				
E1	(0.31)	0.00	0.00	4.23	0.08	0.00	(1.66)	(0.41)	0.00	(1.72)	(6.80)	(8.51)	(5.66)	(3.13)	(5.37)	(6.53)	(1.65)	(0.25)	(0.25)	0.59	(7.64)	(0.26)	0.00	(11.97)	(0.62)	(5.73)	(3.85)	7.59				
Finlead	(1.85)	(1.46)	0.00	(14.02)	1.11	(0.47)	0.80	0.00	0.00	0.00	0.84	(0.51)	0.00	(5.12)	(1.63)	(0.95)	(20.59)	(1.35)	0.08	0.32	(21.07)	0.00	(5.76)	(2.82)	0.00	(1.00)	(3.24)	0.89				

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NDT NN						Cá nhân					
Mã	Top mua ròng		Top bán ròng			Mã	Top mua ròng		Top bán ròng			Mã	Top mua ròng		Top bán ròng		
	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị		Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị		Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
FUEVFVND	60,628,600	1,953.98	E1VFN30	9,702,300	-218.43	KDH	3,362,910	124.58	FUEVFVND	54,896,806	-1,770.02	FPT	15,771,550	2,056.83	GVR	4,706,765	-164.33
EIB	9,240,200	170.73	FPT	1,545,400	-201.62	DGC	931,107	114.11	FPT	11,076,091	-1,461.75	MWG	7,208,227	441.08	DGC	1,057,107	-129.84
MSN	1,327,799	98.00	MWG	2,609,104	-161.97	PC1	2,924,563	86.22	MWG	3,811,017	-234.37	SSB	10,299,800	220.14	VPB	6,775,384	-128.04
VNM	1,372,300	95.74	ACB	5,204,001	-124.35	VCI	1,745,863	80.61	VPB	11,709,502	-223.33	BID	4,627,030	205.62	OCB	8,296,850	-119.94
HPG	2,064,797	59.43	PNJ	1,287,100	-121.76	FRT	409,642	73.38	HDB	7,216,550	-164.50	TCB	7,817,142	174.27	STB	3,708,110	-110.27
STB	1,754,800	53.62	GMD	1,257,300	-104.10	MSN	959,726	70.12	VHM	4,129,943	-155.52	CTG	5,030,563	157.35	KDC	1,726,426	-99.13
DGC	281,800	34.99	TCB	3,019,800	-69.78	DGW	757,592	46.93	VRE	6,489,718	-133.35	HPG	5,444,246	156.10	POW	5,288,658	-89.63
VIB	1,594,400	34.15	REE	751,700	-47.78	E1VFN30	1,610,000	36.30	VIC	3,187,423	-131.54	VRE	6,915,348	142.38	VCI	1,883,863	-87.20
MBB	1,082,799	24.44	SAB	510,100	-33.18	PLX	730,125	29.99	HPG	4,360,651	-123.82	VHM	3,692,318	138.98	PC1	2,896,058	-84.39
KDC	413,300	23.96	FUEKIV30	3,556,100	-30.86	SAB	431,074	28.87	CTG	3,892,744	-122.14	VIC	3,052,223	125.36	KDH	2,210,180	-82.44

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	85.2	0.0%	0.6	18,700	3.7	5,838	14.6	0.0	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	43.2	-1.9%	1.00	9,682	3.6	3841	11.3	-	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	18.6	-1.8%	1.00	5,811	30.4	1397	13.4	-	26.8%	Link
TCB	Ngân hàng	23.4	-0.4%	1.10	6,460	19.3	5600	4.2	-	22.1%	Link
MBB	Ngân hàng	22.2	-1.3%	1.00	4,626	8.3	3818	5.8	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.8	-1.4%	1.00	2,132	10.4	4206	6.8	-	23.2%	Link
CTG	Ngân hàng	31	-1.0%	1.20	6,537	5.5	3751	8.3	-	26.2%	Link
ACB	Ngân hàng	23.8	-0.6%	0.80	4,175	5.4	4072	5.8	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	34	-1.0%	1.20	2,012	15.1	1704	19.9	-	42.9%	Link
IDC	BĐS KCN	59.7	-1.5%	1.20	774	2.5	5880	10.2	65,700	24.2%	Link
HPG	VLXD	28.3	-1.9%	1.20	7,108	24.7	1601	17.7	41,500	24.6%	Link
HSG	VLXD	23.9	-3.8%	1.70	578	16.2	1423	16.8	25,300	21.2%	Link
VHM	BĐS	38	0.1%	1.10	6,438	8.8	5074	7.4	108,300	16.1%	Link
KDH	BĐS	36.9	-1.6%	1.40	1,158	3.3	726	50.9	44,500	39.1%	Link
NLG	BĐS	41.4	-1.4%	1.50	626	3.1	1040	39.8	-	48.4%	Link
DGC	Hóa chất	122.5	-1.1%	1.40	1,827	17.9	7845	15.6	115,000	18.7%	Link
DCM	Phân bón	36	-3.7%	1.30	748	5.2	2313	15.6	38,700	8.4%	Link
GAS	Dầu khí	76.6	0.1%	0.60	6,909	2.0	4688	16.3	-	2.0%	Link
PVS	Dầu khí	40.6	-1.5%	1.00	762	5.3	1992	20.4	57,000	20.9%	Link
PVD	Dầu khí	28.8	-3.2%	1.20	629	5.0	1200	24.0	38,400	16.6%	Link
POW	Tiện ích	14.9	1.0%	0.80	1,370	6.7	350	42.6	17,100	4.2%	Link
VHC	Thủy sản	70.1	-2.5%	1.20	618	3.2	3774	18.6	108,500	29.7%	Link
GMD	Logistics	83	-0.5%	0.90	1,012	5.4	8430	9.8	90,400	47.8%	Link
VNM	Bán lẻ	65.5	0.3%	0.60	5,376	7.0	4408	14.9	93,100	50.1%	Link
MSN	Bán lẻ	74.7	0.3%	1.30	4,438	18.8	215	346.9	110,000	28.9%	Link
MWG	Bán lẻ	62.4	-1.6%	1.40	3,583	15.2	717	87.0	-	47.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	95.5	0.0%	1.00	1,255	3.0	5860	16.3	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	61.2	-1.0%	1.80	402	4.1	2200	27.8	66,600	23.6%	Link
FPT	Công nghệ	130.5	-1.7%	0.90	7,484	34.0	5335	24.5	107,900	46.6%	Link
CTR	Công nghệ	140.6	-5.1%	1.10	632	4.0	4582	30.7	-	10.8%	Link

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	23.0	0.2%	0.9	2,631	6.6	3,809	6.0	1.5	17.7%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.0	-0.7%	1.1	2,092	2.3	3,315	6.3	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.2	-1.4%	1.2	1,487	3.7	2,050	8.4	1.1	28.2%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.3	-1.4%	1.2	1,123	1.3	2,310	6.2	0.9	29.2%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.9	3.0%	1.0	1,292	4.6	1,147	16.5	1.4	3.0%	10.1%
HCM	Chứng khoán	26.2	-1.7%	1.6	724	6.1	1,175	22.3	2.1	45.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	46.1	0.3%	1.7	800	6.9	1,409	32.7	2.5	18.9%	7.1%
VND	Chứng khoán	16.0	-2.1%	1.5	960	6.6	2,057	7.8	1.1	13.1%	13.1%
BID	Ngân hàng	43.2	-1.9%	1.0	9,682	3.6	3,841	11.3	2.1	17.1%	20.3%
SHS	Chứng khoán	16.8	-2.9%	1.7	536	10.4	1,076	15.6	1.3	9.4%	5.7%
LCG	Xây dựng	11.0	-2.2%	1.6	83	0.6	655	16.8	0.8	2.2%	4.6%
HUT	Xây dựng	17.0	0.0%	1.4	596	1.5	73	232.7	1.5	1.5%	0.7%
CTD	Xây dựng	70.1	-3.6%	1.2	275	5.1	2,709	25.9	0.8	46.9%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.2	-2.8%	1.5	197	1.7	833	14.6	0.6	8.2%	4.2%
C4G	Xây dựng	9.8	-1.0%	1.4	-	0.6	433	22.6	0.9	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	26.6	-2.6%	1.9	636	8.6	(38)	-691.6	2.2	4.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	16.5	-3.5%	1.3	334	1.9	312	52.9	1.4	4.7%	2.4%
KBC	BĐS KCN	29.0	-0.9%	1.6	874	4.5	1,262	23.0	1.2	20.5%	11.7%
VGC	BĐS KCN	52.1	-1.5%	1.2	917	0.6	2,746	19.0	2.9	5.2%	12.5%
SZC	BĐS KCN	38.8	-4.1%	1.1	274	2.1	1,515	25.6	2.3	3.1%	13.4%
SIP	BĐS KCN	89.0	-1.2%	1.3	635	1.5	5,701	15.6	4.2	1.5%	26.9%
PHR	BĐS KCN	60.6	-0.2%	1.1	322	0.6	3,448	17.6	2.2	18.3%	18.3%
GVR	BĐS KCN	34.2	-5.0%	1.5	5,372	9.9	628	54.5	2.7	0.5%	6.2%
NKG	Vật liệu	23.6	-4.5%	1.6	244	6.6	1,222	19.3	1.1	14.9%	2.3%
BMP	Hóa chất	100.0	-2.9%	1.0	322	1.0	11,594	8.6	2.8	83.4%	39.1%
IJC	Bất động sản	14.6	-2.7%	1.5	216	1.2	865	16.8	1.2	4.6%	10.3%
DXG	Bất động sản	16.0	0.0%	1.8	453	2.6	420	38.1	1.1	19.2%	1.1%
VRE	Bất động sản	20.4	0.2%	1.3	1,825	10.3	1,966	10.4	1.2	25.3%	12.4%
PDR	Bất động sản	23.7	-2.5%	1.7	813	2.8	964	24.6	1.8	8.0%	7.2%
CSV	Hóa chất	69.0	-2.5%	1.6	120	3.2	4,370	15.8	2.1	3.2%	16.1%

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DHC	Hóa chất	39.1	-0.3%	1.1	124	0.4	3,461	11.3	1.7	39.9%	17.2%
PLX	Dầu khí	40.9	-1.0%	0.9	2,041	2.3	2,570	15.9	1.9	17.7%	10.7%
PLC	Dầu khí	26.5	-1.1%	1.5	84	0.1	1,112	23.8	1.6	0.3%	8.4%
BSR	Dầu khí	21.7	-4.0%	1.1	-	11.0	2,588	8.4	1.2	0.7%	15.6%
DRC	Săm lốp	34.0	-7.0%	0.8	159	8.2	2,286	14.9	2.1	13.1%	13.2%
PC1	Tiện ích	28.8	-2.2%	1.4	351	5.0	651	44.2	1.7	9.3%	4.1%
HDG	Tiện ích	28.2	-1.2%	1.3	372	6.5	2,061	13.7	1.4	16.1%	12.9%
GEX	Tiện ích	22.1	-1.1%	1.8	739	10.2	625	35.4	1.5	8.9%	4.1%
QTP	Tiện ích	16.7	-1.8%	0.5	-	0.8	1,549	10.8	1.4	1.3%	10.8%
REE	Tiện ích	62.6	-2.2%	1.0	1,155	2.8	4,706	13.3	1.5	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	32.2	-1.4%	1.4	169	1.1	(252)	-127.7	1.5	0.8%	1.5%
PTB	Thủy sản	71.1	-1.4%	0.7	187	0.5	4,765	14.9	1.8	25.0%	10.6%
PVT	Logistics	28.6	-1.7%	0.9	400	4.7	3,150	9.1	1.3	14.2%	14.3%
VSC	Logistics	22.0	2.1%	1.4	230	6.0	532	41.3	2.0	2.8%	6.2%
HAH	Logistics	45.2	1.9%	1.3	216	13.4	3,081	14.7	1.8	11.4%	12.1%
VTP	Logistics	83.0	-3.0%	1.4	397	4.4	2,980	27.8	6.2	7.6%	25.6%
DBC	Bán lẻ	34.0	-3.4%	1.7	323	6.9	1,729	19.7	1.7	12.0%	0.5%
FRT	Bán lẻ	177.0	-1.7%	0.7	947	3.7	(2,215)	-79.9	14.3	35.8%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.0	0.4%	0.6	-	1.4	6,737	7.3	2.0	15.1%	27.3%
DPM	Phân bón	36.1	-2.4%	1.3	555	4.1	1,372	26.3	1.2	8.4%	4.2%
TNG	Dệt may	26.0	-1.5%	1.2	116	2.9	1,981	13.1	1.7	18.6%	12.5%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

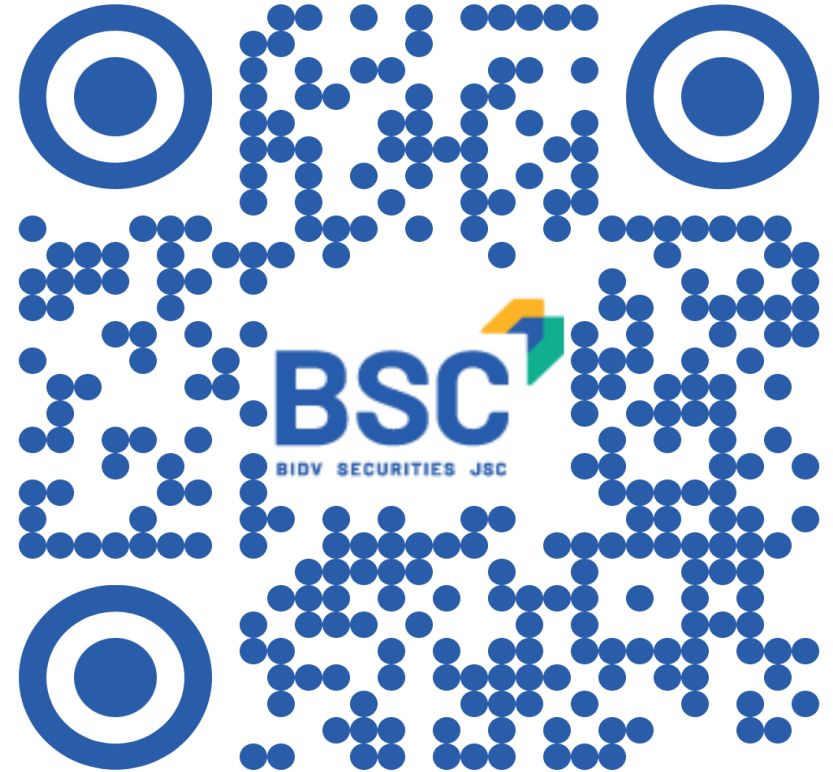
Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký